

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MƯỜNG LÁT
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 53/2019/HS-ST
Ngày 26.11.2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG LÁT, TỈNH THANH HOÁ

Với thành phần xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Ngô Thị T

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hà Thị T và Ông Trương Văn B

Thư ký phiên toà: Ông Lâu Văn C , Thư ký - Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát tham gia phiên toà: Ông Lâu Văn L - Kiểm sát viên.

Ngày 26/11/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hoá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 53/2019/TLST-HS ngày 12 tháng 11 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2019/QĐXXST-HS ngày 15/11/2019 đối với bị cáo:

Bị cáo: **Giàng A T** ; sinh năm 1987 tại: Xã Kim Bon, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Nơi cư trú: Bản Ón, xã Tam Chung, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Dân tộc: Mông; Nghề nghiệp: Trồng trọt. Trình độ học vấn: 02/12. Con ông: Giàng A T , (đã chết). Con bà: Thào Thị S , sinh năm 1967.

Vợ: Phàng Thị P, sinh năm 1985. Có 05 người con chung với Phàng Thị Pla, con lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2011. Nghề nghiệp: Trồng trọt. Nơi cư trú: Bản Ón, xã Tam Chung, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

Do mâu thuẫn tình cảm với vợ (Phàng Thị P), bị cáo đã chung sống như vợ chồng với Thào Thị N , sinh năm 1990, ở bản Ón, xã Tam Chung, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa, có hai người con chung với Thào Thị N , người con đầu sinh năm 2011, người con thứ hai sinh năm 2012.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị tạm giữ từ ngày 13/ 9/ 2019, chuyển tạm giam ngày 13/9/2019. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Hà Văn K - Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý số 1, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ 30 phút, ngày 06/6/2014, Phàng A L , sinh năm 1980, Phàng A T , sinh năm 1982 và bị cáo cùng trú ở bản Ón, xã Tam Chung, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa rủ nhau đi tìm mật ong rừng bán. Cả 3 người tìm được một tổ ong, bán được 20.000đ (*Hai mươi nghìn đồng*), L rủ bị cáo và T dùng số tiền vừa bán mật ong có được đi mua nhựa thuốc phiện để chia nhau cùng sử dụng, Thang và bị cáo đồng ý. Bị cáo điều khiển xe máy mang biển kiểm soát: 36B1 - 525.80 chở L và T đi đến xã Tân Xuân, huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La rồi vào nhà một người phụ nữ dân tộc Mông không quen biết, tại đây L hỏi mua với người phụ nữ chủ nhà 01 gói nhựa thuốc phiện được bọc bằng túi nilon màu xanh với giá tiền 20.000đ (*Hai mươi nghìn đồng*) và 01 gói heroine được bọc bằng túi nilon màu hồng với giá tiền 50.000đ (*Năm mươi nghìn đồng*). Mua được nhựa thuốc phiện và heroine, L cho gói vào một túi nilon màu trắng và cầm ở tay, rồi cùng Thang và bị cáo đi xe máy theo đường cũ quay về. Khoảng 18 giờ 20 phút cùng ngày, khi bị cáo chở L và T đến bản Ón, xã Tam Chung, huyện Mường Lát thì bị Tổ công tác Đoàn biên phòng Tam Chung - BĐBP tỉnh Thanh Hóa bắt quả tang, thu giữ toàn bộ số nhựa thuốc phiện và heroine mà L, T và bị cáo đang tàng trữ. Khoảng 21 giờ cùng ngày, lợi dụng sơ hở của các cán bộ Đoàn biên phòng Tam Chung bị cáo đã bỏ trốn vào rừng.

Quá trình điều tra, Phàng A L khai nhận: Vào khoảng 07 giờ, ngày 06 tháng 6 năm 2014 khi L và vợ là Giàng Thị C đang ở nhà thì có em gái của L là Phàng Thị P sinh năm 1985 trú ở bản Ón, xã Tam Chung đến đưa cho L 50.000đ (*Năm mươi nghìn đồng*) và nhờ mua hộ heroin đem về cho P. Phàng A L đồng ý nên khi cùng T và bị cáo đi mua nhựa thuốc phiện, Phàng A L đã mua thêm 01 gói heroin với giá 50.000đ (*Năm mươi nghìn đồng*).

Tại bản Kết luận giám định số 689/PC45-MT ngày 08/6/2014 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận:

- *Chất dẻo màu nâu đen của phong bì niêm phong gửi giám định có tổng khối lượng là 1,65g (Một phẩy sáu mươi lăm gam). Là thuốc phiện.*

- *Cục chất bột màu trắng ngà dạng nén của phong bì niêm phong gửi giám định có tổng khối lượng là 0,47g (Không phẩy bốn bảy gam). Qua giám định có thành phần heroin.*

Ngày 10/8/2014, Cơ quan CSĐT Công an huyện Mường Lát đã ra Quyết định tách vụ án hình sự để điều tra, truy tố, xét xử đối với Phàng A L và Phàng A T về tội Tàng trữ, vận chuyển trái phép chất ma túy.

Sau khi bỏ trốn, ngày 13/9/2019 bị cáo bị bắt tại bản Ón, xã Tam Chung, huyện Mường Lát theo Quyết định truy nã số: 02/CSĐT ngày 17/7/2014 của Cơ quan CSĐT Công an huyện Mường Lát.

Quá trình điều tra bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người chứng kiến và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Bản cáo trạng số 56/CT-VKS-MT ngày 11/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát truy tố bị cáo Phàng A Lầu về tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tranh luận và luận tội: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, thái độ ăn năn hối cải và công nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Vì vậy, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo toàn bộ nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố: Bị cáo phạm tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Về điều luật: Áp dụng: Khoản 1 điều 38; điểm s khoản 1 điều 51; Điểm b khoản 1 điều 249 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

Về hình phạt: Bị cáo từ 14 đến 16 tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo, vì bị cáo **thuộc hộ nghèo**, làm nghề trồng trọt, thu nhập thấp và không ổn định, là người nghiện chất ma túy, nên không có tính thực thi.

Về vật chứng: Xử lý theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Bị cáo có sổ hộ nghèo nên **miễn** án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo xác nhận trong quá trình điều tra, truy tố không bị Cơ quan tiến hành tố tụng sử dụng biện pháp ép cung, bức cung hay nhục hình và khai nhận, biết rõ hành vi tàng trữ chất ma túy để sử dụng là vi phạm pháp luật và bị Nhà nước nghiêm cấm nhưng do bản thân bị nghiện chất ma túy, không kiềm chế được bản thân nên phạm tội, bị cáo công nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản Cáo trạng đã nêu là đúng, bị cáo không khai báo thêm tình tiết mới.

Ý kiến người bào chữa: Tại phiên tòa, người bào chữa đồng tình với quan điểm truy tố và luận tội của VKS về tội danh, điều luật áp dụng và khung hình phạt, các tình tiết giảm nhẹ TNHS, đề nghị miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền và miễn án phí cho bị cáo. Người bào chữa đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất của khung hình phạt, tạo điều kiện cho bị cáo yên tâm cải tạo, sớm được trở về với gia đình và xã hội, bản thân trở thành công dân có ích.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận tội, đồng tình với lời bào chữa, không thay đổi, bổ sung thêm gì làm thay đổi nội dung vụ án, không có ý kiến tranh luận với đại diện VKS, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét mức án thấp nhất của khung hình phạt, để bị cáo sớm được về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] *Xét về hành vi, quyết định tố tụng*: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mường Lát, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố; Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Trợ giúp viên pháp lý là người bào chữa cho bị cáo và bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Chứng cứ xác định có tội, không có tội*: Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Xét lời khai nhận tội của bị cáo là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người chứng kiến, kết luận giám định và chứng cứ khác trong hồ sơ, đủ cơ sở khẳng định: Bị cáo tàng trữ tổng trọng lượng ma túy **1,65g (Một phẩy sáu mươi lăm gam)** nhựa thuốc phiện để sử dụng là nguy hiểm cho bản thân và xã hội, xâm phạm chính sách độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà Nước, ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự, an toàn xã hội. Hiện nay ma túy đang trở thành hiểm họa lớn cho toàn xã hội về tác hại của nó. Bị cáo là người có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, biết rõ việc tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện.

Với hành vi, tính chất vụ án, năng lực chịu trách nhiệm hình sự của bị cáo; Trọng lượng ma túy bị cáo tàng trữ đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” được quy định tại điểm b khoản 1 điều 249 Bộ luật hình sự, như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] *Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Bị cáo **không có tình tiết tăng nặng**; Tại các cơ quan tố tụng cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, thái độ ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 BLHS.

[4] *Xét về hình phạt*: Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; Thấy rằng đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về mức hình phạt cho bị cáo là phù hợp với hành vi phạm tội và khối lượng chất ma túy thu giữ, đã đủ sức răn đe, phòng ngừa chung.

Ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản theo quy định tại khoản 5 điều 249 BLHS. Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa, cho thấy bị cáo làm nghề trồng trọt, thu nhập thấp và không ổn định, gia đình **thuộc hộ nghèo**. HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] *Xét về vật chứng trong vụ án*:

- Số ma túy tang vật vụ án gồm Heroine và nhựa thuốc phiện còn lại sau khi giám định là chất Nhà nước cấm lưu hành đã được tịch thu, tiêu hủy theo quyết định tại Bản án số: 30/2014/HSST ngày 18/9/2014 của TAND huyện Mường Lát đúng quy định của pháp luật nên HĐXX không xem xét ở vụ án này.

- Một điện thoại di động nhãn hiệu AVIO - A129, đã qua sử dụng, tại phiên Tòa, bị cáo xác nhận điện thoại không còn giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy.

- Xe máy thu giữ của bị cáo. Xét thấy không phải công cụ, phương tiện phạm tội nên trả lại cho bị cáo là phù hợp.

[6] *Xét về phần án phí và quyền kháng cáo:* Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống trong vùng có điều kiện Kinh tế - Xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí HSST và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[7] *Các nhận định khác:*

Đối với người phụ nữ dân tộc Mông, là người đã bán ma túy cho Phàng A L , Phàng A T và bị cáo ngày 06/6/2014 tại bản Cột Mốc, xã Tân Xuân, huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La. Quá trình điều tra, bị cáo khai nhận không quen biết người này và do sự việc xảy ra đã nhiều năm nên không nhớ địa điểm và người bán ma túy. Vì vậy, không có đủ điều kiện để tổ chức xác minh, xử lý.

Đối với Phàng Thị P sinh năm 1985 ở bản Ôn, xã Tam Chung, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Quá trình điều tra, xác minh tại địa phương không ai biết Phàng Thị P hiện nay đang đi đâu, làm gì nên không có đủ điều kiện để xác minh, xử lý. Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục điều tra làm rõ để xử lý ở vụ án khác.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên: Bị cáo Giàng A T phạm tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”

Áp dụng: Điều 260 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm b khoản 1 điều 249; Điều 38; **Điểm s khoản 1 điều 51** BLHS.

Xử phạt: Hình phạt chính: 14 (**Mười bốn**) tháng tù

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo tính từ ngày tạm giữ (**13/9/2019**).

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về tang vật: Áp dụng điểm c khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Trả lại cho bị cáo Xe máy mang biển kiểm soát: 36B1 - 525.80, nhãn hiệu HONDA, số loại: WAVE S, màu sơn: Đỏ - Đen - Bạc, số khung: CY024648, số máy: 52E4029400, đã qua sử dụng.

- Tịch thu tiêu hủy một điện thoại di động nhãn hiệu AVIO - A129

Các vật chứng kể trên đang được bảo quản tại kho tang vật Chi cục THADS huyện Mường Lát theo Quyết định chuyển vật chứng số: 32/CVC-VKSML, ngày

27/8/2014 của Viện KSND huyện Mường Lát và Biên bản giao nhận vật chứng ngày 28/8/2014 giữa Công an huyện Mường Lát và Chi cục THADS huyện Mường Lát.

Về án phí: Áp dụng điều 135, điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; **Điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;**

Tuyên: Miễn tiền án phí HSST cho bị cáo .

Quyền kháng cáo, kháng nghị: Căn cứ điều 331, điều 333 và điều 337 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Án xử công khai; có mặt bị cáo; Người bào chữa cho bị cáo; Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Phòng KTVN, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- VKS nhân dân H.Mường Lát;
- VKS nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Công an H. Mường Lát;
- Chi cục THADS huyện Mường Lát;
- UBND xã Tam Chung, H. Mường Lát
- Bị cáo;
- Người bào chữa cho bị cáo;
- Hồ sơ Thi hành án Hình sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thị T